

**CÔNG TY TNHH MTV HÀNG CHÍNH HÃNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV HÀNG CHÍNH HÃNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107273440

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 39 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 2.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 3.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 4.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 5.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 7.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 9.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin<br>(trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                         | 6312        |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610 |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4620 |
| 24. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4631 |
| 25. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632 |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633 |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác ;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh                                                 | 4773 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4931 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 33. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142652776

Ngày cấp: 08/07/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu dân cư Trại Thượng, Phường Văn An, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 89 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGÔ THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 25/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142652776

Ngày cấp: 08/07/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Khu dân cư Trại Thượng, Phường Văn An, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 89 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**